

Số: /QĐ-TTLTLS

Gia Lai, ngày

tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của
Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LƯU TRỮ LỊCH SỬ TỈNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính, hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh trực thuộc Sở Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 11601/QĐ-SNV ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Sở Nội vụ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Khối Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc Sở Nội vụ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh (theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Thu thập, Chinh lý và Bảo quản tài liệu, Trưởng phòng Chuyển đổi số và Phát huy giá trị tài liệu, viên chức, người lao động của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Nội vụ (báo cáo);
- Lãnh đạo Trung tâm;
- VCNLD Trung tâm;
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC

Lâm Trường Định

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTLTLS ngày /12/2025 của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh)
ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	TỔNG DỰ TOÁN THU - CHI NSNN	10.871.000.000
A	SỐ THU, CHI: LỆ PHÍ, PHÍ	25.000.000
1	Số thu phí, lệ phí	25.000.000
	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ	25.000.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	22.500.000
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	22.500.000
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	2.500.000
	Phí sử dụng tài liệu lưu trữ	2.500.000
	DỰ TOÁN CHI NSNN	10.846.000.000
1	CHI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (Loại 280, khoản 338)	
1.1	Dự toán được giao	
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ	
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	
1.2	Dự toán ngân sách giữ lại theo quy định	
a	Kinh phí thực hiện tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
	+ Tiết kiệm 10% Ngân sách quản lý theo quy định	
1.3	Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm	
a	Kinh phí thực hiện tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
1.4	Dự toán phân bổ đơn vị được rút KBNN kỳ này	
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ	
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	
	+ Kinh phí nghiệp vụ	
2	CHI SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO	
2.1	Dự toán được giao	
a	- Kinh phí thực hiện tự chủ	
b	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	
	Trong đó:	

2.2	Dự toán ngân sách giữ lại theo quy định		
a		Kinh phí thực hiện tự chủ	
b		Kinh phí không thực hiện tự chủ	
		+ Tiết kiệm 10% Ngân sách quản lý theo quy định	
2.3	Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm		
a		Kinh phí thực hiện tự chủ	
b		Kinh phí không thực hiện tự chủ	
2.4	Dự toán phân bổ đơn vị được rút KBNN kỳ này		
a	-	Kinh phí thực hiện tự chủ	
b	-	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
3	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ		10.846.000.000
3.1	Dự toán được giao		10.846.000.000
a	-	Kinh phí thực hiện tự chủ	5.297.000.000
b	-	Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.549.000.000
3.2	Dự toán ngân sách giữ lại theo quy định		497.000.000
a	-	Kinh phí thực hiện tự chủ	0
b	-	Kinh phí không thực hiện tự chủ	497.000.000
		Tiết kiệm thêm bình quân 10% Ngân sách quản lý chi thường xuyên	0
3.3	Dự toán đơn vị còn được sử dụng trong năm		10.349.000.000
a	-	Kinh phí thực hiện tự chủ	5.297.000.000
b	-	Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.052.000.000
3.4	Dự toán phân bổ đơn vị được rút KBNN kỳ này		10.349.000.000
a	-	Kinh phí thực hiện tự chủ	5.297.000.000
	+	Lương và Kinh phí hoạt động	5.178.000.000
	+	Tiết kiệm 10% Ngân sách quản lý chi thường xuyên để tạo nguồn CCHC	119.000.000
b	-	Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.052.000.000
	+	KP tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	290.000.000
	+	KP hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động bị tác động, ảnh hưởng của việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND	288.000.000
	+	KP tổ chức trưng bày, triển lãm	405.000.000
	+	KP số hóa tài liệu theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 07/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	2.259.000.000
	+	KP chi nghiệp vụ công tác lưu trữ	1.415.000.000
	+	KP mua sắm trang thiết bị, tài sản	395.000.000
Mã số Kho bạc nhà nước nơi giao dịch			1085165